

Bản án số: 66/2019/HS-ST

Ngày: 14-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA – TP HÀ NỘI**

- T6 phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Bích Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Vân** – Nguyên giáo viên nghỉ hưu

Ông **Đỗ Huy Sáu** – Trưởng ban Đoàn kết công giáo huyện Ứng Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, T6 phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên toà:
Ông **Nguyễn Thuyên** -Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Duy T, sinh năm 1999; Nơi ĐKKHKT: Thôn T1, xã H, huyện U, TP. Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy N1 và bà Nguyễn Thị N2; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 25/5/2017, bị Toà án nhân dân huyện Ứng Hoà xử phạt 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/01/2018. (Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong bản án trên khi chưa đủ 18 tuổi và phạm tội ít nghiêm trọng nên không coi là tiền án)

Ngày 05/8/2019, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H ra quyết định số 117 áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi sử dụng ma túy (thời gian 03 tháng kể từ ngày 05/8/2019).

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Ứng Hòa sau chuyển trại tạm giam số 2 - Công an T6 phố Hà Nội từ ngày 08/8/2019 đến nay. (có mặt tại phiên tòa)

*** Người bị hại:** Anh Nguyễn Gia N – sinh ngày 13/10/ 2003 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã S, huyện U, TP. Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị

hai: Ông Nguyễn Gia T và bà Phan Thị V; đều có Nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã S, huyện U, TP. Hà Nội (đều vắng mặt)

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Nguyễn Gia T3 – sinh năm 1972 (vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã S, huyện U, TP. Hà Nội.

+ Anh Trương Văn M – sinh năm 1978 (có mặt)

+ Anh Vũ Văn T5 – sinh năm 1997 (vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn T7, xã T8, huyện U, TP. Hà Nội

*** Người làm chứng:**

+ Anh Vũ Văn T6 – sinh năm 1986 (vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn T7, xã T8, huyện U, TP. Hà Nội.

+ Bà Nguyễn Thị N – sinh năm 1973 (vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn T1, xã H, huyện U, TP. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ, ngày 27/7/2019, Nguyễn Gia N - Sinh ngày 13/10/2003, ở H, S, U đang ở nhà thì Nguyễn Duy T - Sinh năm: 1999, ở T1, H, Ứng Hoà nhắn tin cho Nam qua Facebook nói: *“Em có nhà thì ra quán Nét chờ anh đi có tí việc, anh ở quán Nét đầu làng anh”*, T nhắn lại: *“Anh chờ em đến chiều em qua”*. Khoảng 16 giờ, Nam đi xe mô tô biển kiểm soát 29AA-401.07 đến quán Nét gặp T. Sau đó, T nói với Nam: *“Mày chờ anh ra Phú Lương, Quảng Phú Cầu có tí việc”*, Nam nói *“Vâng”* rồi chờ T đi đến sân bóng thôn Phú Lương, xã Quảng Phú Cầu, Ứng Hoà, Nam đứng ở xe đợi, còn T đi tìm gặp anh Nguyễn Văn Duẩn - Sinh năm: 1985 là bạn mới quen biết hỏi vay tiền nhưng không được. T quay lại bảo Nam chờ T về T1, H. Lúc này T nói với Nam: *“Em cho anh mượn xe, anh đi có tí việc đến 21 giờ anh trả xe em được không”*, Nam không đồng ý, T nói tiếp *“Cho anh mượn anh đi đến 20 giờ 30 phút anh về trả”* thì Nam đồng ý và đưa xe cho T. T điều khiển xe mô tô đi đến nhà bà Nguyễn Thị Huệ - Sinh năm: 1970, ở cùng thôn để vay tiền nhưng không được. Do không vay được tiền nên T nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe để lấy tiền chi tiêu cá nhân. T điều khiển xe đến quán sửa xe của anh Trương Văn M - Sinh năm: 1978, ở T7, T8, Ứng Hoà, T đã cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29AA-401.07 lấy 2.000.000 đồng và để xe mô tô ở đó. Tối ngày 28/7/2019, T đến gặp anh Vũ Văn T5 - Sinh năm: 1997, ở T7, T8 hỏi: *“Anh có tiền cho em vay thêm em để xe ở quán anh M đây nhưng vay được ít quá”*, T5 hỏi: *“Vay bao nhiêu”*, T nói: *“Cho em vay 4.000.000 đồng để em nhớ xe ra để cho anh”*, T5 đồng ý và đưa cho T 3.000.000 đồng. T cầm tiền rồi đi đến nhà anh M trả 2.200.000 đồng và lấy xe đưa cho anh T5. Ngày 30/7/2019, T đến gặp anh T5 lấy nốt 1.000.000 đồng rồi viết giấy biên nhận vay của anh T5 tổng số tiền là 4.000.000 đồng và đưa cho anh T5. Số tiền trên T đã chi tiêu cá nhân hết, do không

có tiền để lấy xe trả Nguyễn Gia Nam, ngày 08/8/2019, Nguyễn Duy T đến Công an xin đầu thú.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 29AA-401.07, do Vũ Văn T5 giao nộp;
- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, do anh Nguyễn Gia T3 giao nộp;
- 02 tờ tiền chất liệu Polime mệnh giá 100.000 đồng, do anh Trương Văn M giao nộp.

Ngày 09/8/2019, Cơ quan CSĐT- Công an huyện Ứng Hòa yêu cầu định giá tài sản số 55 đối với xe mô tô biển kiểm soát 29AA-401.07. Ngày 13/8/2019, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Ứng Hòa kết luận số 56: Chiếc xe trên có giá tiền là 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*).

Với hành vi nêu trên, tại bản Cáo trạng số: 66/CT-VKS ngày 10 tháng 10 năm 2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Duy T về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của BLHS.

Tại phiên toà: Bị cáo đã thừa nhận hành vi như bản Cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175 BLHS; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo T từ 15 đến 18 tháng tù. Xử lý vật chứng: Bị cáo T phải nộp lại 4.000.000đ sung vào ngân sách nhà nước; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 200.000đ. Không áp dụng hình phạt bổ sung. Bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ và tài liệu, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà bị cáo nhận tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời trình bày của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và vật chứng đã thu giữ được cùng các tài liệu khác đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định: Ngày 27/7/2019, Nguyễn Duy T, ở T1, H, Ứng Hòa mượn xe mô tô biển kiểm soát 29AA-401.07 của anh Nguyễn Gia Nam ở H, S, Ứng Hoà để đi vay tiền. Do không vay được tiền, T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt và đem cầm cố chiếc xe máy trên cho anh Trương Văn M, ở T7, T8, Ứng Hoà lấy 2.000.000 đồng. Ngày 28/7/2019, T đã rút xe từ chỗ anh M đem cầm cố cho anh Vũ Văn T5, ở T7, T8 lấy 4.000.000 đồng, toàn bộ số tiền

trên T đã chi tiêu cá nhân hết. Chiếc xe mô tô của anh Nam bị T chiếm đoạt, qua định giá có trị giá 7.000.000 đồng.

Hành vi trên của bị cáo đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét, hành vi phạm tội của bị cáo T đã thực hiện là nguy hiểm, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, đến trật tự công cộng mà còn ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội ở nhiều địa phương. Bị cáo đã có tiền án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/01/2018; xong theo quy định tại Điều 107 về xóa án tích thì bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm. Bản thân bị cáo còn bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi sử dụng ma túy. Bị cáo không lấy đó là bài học rút kinh nghiệm để trở T6 người công dân tốt. Do vậy, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ cải tạo, giáo dục bị cáo thấy được trách nhiệm lỗi do hành vi vi phạm pháp luật của mình gây ra.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo T6 khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do đó Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm ổn định, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Đối với anh Trương Văn M và anh Vũ Văn T5 là người cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29AA-401.07, quá trình cầm cố anh M và T5 không biết chiếc xe trên là do T chiếm đoạt của anh Nguyễn Gia Nam mà có. Do vậy, hành vi của anh M và anh T5 không cấu T6 tội “*Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự. Do anh M và anh T5 không có giấy phép đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ nhưng vẫn cầm cố xe cho T. Hành vi của anh M và anh T5 vi phạm khoản 2 và khoản 5 Điều 6, Nghị định 124 ngày 19/11/2015 của Chính phủ. Do vậy, ngày 04/10/2019, Cơ quan CSĐT-Công an huyện Ứng Hoà ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh M và anh T5 bằng hình thức phạt tiền là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 29AA-401.07 xác định là của anh Nguyễn Gia T3 là bố đẻ của Nguyễn Gia Nam; anh T3 đã giao cho Nam chiếc xe trên để sử dụng, xe có đầy đủ giấy tờ hợp pháp. Ngày 15/8/2019, Cơ quan điều tra - Công an huyện Ứng Hoà ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại anh Nguyễn Gia Nam chiếc xe trên cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô là đúng pháp luật; anh Nam đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì về dân sự nữa nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Đối với số tiền 4.000.000 đồng T nhận của anh Vũ Văn T5, anh T5 yêu cầu Nguyễn Duy T phải có trách nhiệm trả lại anh T5. Xong anh T5 không đủ điều kiện để kinh doanh cầm cố nhưng lại giao dịch cầm cố. Do vậy, không chấp nhận yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự của anh T5. Bị cáo T phải nộp 4.000.000đ để sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 200.000 đồng do anh Trương Văn M tự nguyện giao nộp, anh không nhận lại nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là 200.000đ.

[6] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo, bị hại và người đại diện của bị hại; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 BLTTHS năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt Nguyễn Duy T **18 (Mười tám)** tháng tù, thời hạn tù tính từ 08/8/2019.

3. Xử lý vật chứng: Bị cáo Nguyễn Duy T phải nộp 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 200.000đ. *(Theo ủy nhiệm chi ngày 22/10/2019)*

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Duy T phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người đại diện của bị hại; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Công an huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- UBND xã nơi bị cáo ĐKTT;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Bích Hằng